

THỰC TRẠNG, THÁI ĐỘ, RÀO CẢN VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO ĐỘNG LỰC NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA SINH VIÊN ĐIỀU DƯỠNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC YERSIN ĐÀ LẠT NĂM 2023

Hoàng Trung Tiến
Trường Đại học Yersin Đà Lạt

TOM TẮT

Mục tiêu: Nghiên cứu nhằm mô tả thực trạng, thái độ, rào cản và một số giải pháp nâng cao động lực nghiên cứu khoa học của sinh viên điều dưỡng Trường Đại học Yersin Đà Lạt.

Đối tượng và phương pháp nghiên cứu: Mô tả cắt ngang trên 135 sinh viên (SV) ngành Điều dưỡng Trường Đại học Yersin Đà Lạt.

Kết quả: Tỷ lệ sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học (NCKH) chiếm 25.2%. Hầu hết sinh viên có thái độ tích cực về hoạt động nghiên cứu khoa học từ 66,7% đến 83,7% với các nội dung về sự cần thiết của nghiên cứu khoa học, phát triển kỹ năng mềm, kinh nghiệm và cơ hội việc làm, củng cố kiến thức chuyên môn. Ngoài ra, một số rào cản nghiên cứu khoa học chiếm trọng số cao như kỹ năng tin học, ngoại ngữ chưa tốt 63.7%, thiếu kiến thức, kỹ năng làm nghiên cứu khoa học 64,5%. Bên cạnh đó, một số giải pháp được sự đồng tình cao để thúc đẩy nghiên cứu khoa học trong sinh viên như cộng điểm rèn luyện 74.8%; trao thưởng: học bổng, giấy khen... 98 (72,6%); ban hành quy chế khuyến khích nghiên cứu khoa học trong sinh viên 65,9%; đổi mới cách thức, quy trình thực hiện đề tài tinh gọn, đơn giản hóa nhưng vẫn đảm bảo tính pháp lý 68,2%; phát triển đội ngũ giáo viên hướng dẫn nghiên cứu khoa học 66,6%.

Kết luận: Nhà trường nên có các biện pháp thúc đẩy việc nghiên cứu khoa học trong sinh viên.

Từ khoá: Sinh viên, điều dưỡng

ABSTRACT

Aims: The study aims to describe the current situation, attitudes, barriers, and some solutions to improve the scientific research motivation of nursing students of Yersin

¹Chịu trách nhiệm: Hoàng Trung Tiến, Trường Đại học Yersin Đà Lạt

Email: tienht@yersin.edu.vn

Ngày gửi bài: 04/8/2024; Ngày nhận xét: 08/10/2024; Ngày duyệt bài: 28/10/2024

<https://doi.org/10.54804/>

University of Dalat.

Research subjects and methods: A cross-sectional study was conducted among 135 nursing students.

Results: The percentage of students participating in scientific research is 25.2%. Most students have a positive attitude towards scientific research activities from 66.7% to 83.7% with the contents of the necessity of scientific research, developing soft skills, experience and job opportunities, and consolidating professional knowledge. In addition, some barriers to scientific research account for a high number such as poor computer skills, foreign languages 63.7%, lack of knowledge and skills to do scientific research 64.5%. Moreover, some solutions are highly agreed to fully stimulate scientific research in students such as adding training points 74.8%; awarding 98 (72.6%); regulations to encourage scientific research 65.9%; innovating methods and procedures to conduct scientific research 68.2%; developing a number of lecturers to guide scientific research 66.6%.

Conclusion: Schools should have measures to promote scientific research among students.

Keywords: students, nurses

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nghiên cứu khoa học đóng vai trò quan trọng trong đào tạo cho đối tượng sinh viên khi đang ngồi trên ghế nhà trường. Tuy nhiên, hiện nay, nhiều nghiên cứu chỉ ra rằng số lượng sinh viên thực hiện nghiên cứu khoa học còn ít, sinh viên còn gặp nhiều rào cản để tham gia vào việc nghiên cứu khoa học khi còn ngồi trên ghế nhà trường. Trên thế giới, một số nghiên cứu chỉ ra các trở ngại cản trở sinh viên thực hiện nghiên cứu bao gồm thiếu người hướng dẫn chuyên nghiệp, thiếu các khóa đào tạo, thiếu thời gian và thiếu tài trợ [1], thiếu quen thuộc với các phương pháp nghiên cứu, thiếu kinh nghiệm nghiên cứu, thiếu văn hóa nghiên cứu trong cộng đồng, thiếu khả năng tiếp cận nguồn tài liệu thư viện phù hợp, kết quả nghiên cứu chưa thực tiễn [2], thiếu động lực/hứng thú nghiên cứu [4].

Tại Việt Nam, một số nghiên cứu chỉ ra rằng sự thiết hụt về kỹ năng, phương pháp,

do thiếu tài liệu tham khảo, không có thời gian, kinh phí và nhận thức chưa đúng, đủ về hoạt động nghiên cứu khoa học... [6], chưa đam mê, khó khăn trong việc tìm kiếm và thực hiện phương pháp nghiên cứu, khó khăn trong việc thành lập nhóm thực hiện [7].

Để có cái nhìn bao quát về hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên ngành Điều dưỡng của trường Đại học Yersin Đà Lạt và giúp ban lãnh đạo có những giải pháp khả thi để nâng cao chất lượng hoạt động NCKH, chúng tôi tiến hành nghiên cứu trên với mục tiêu:

Mô tả thực trạng, thái độ, rào cản và giải pháp nâng cao động lực nghiên cứu khoa học của sinh viên điều dưỡng Trường đại học Yersin Đà Lạt năm 2023.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Tiêu chuẩn lựa chọn:

- Sinh viên điều dưỡng hệ chính quy.
- Có mặt trong thời điểm nghiên cứu.
- Đồng ý tham gia nghiên cứu.

Tiêu chuẩn loại trừ:

- Không đồng ý tham gia nghiên cứu.
- Sinh viên liên thông.
- Sinh viên năm nhất đang học chương trình đại cương.

2.2. Thời gian và địa điểm nghiên cứu

- Địa điểm nghiên cứu: Trường Đại học Yersin Đà Lạt

- Thời gian nghiên cứu: Từ tháng 04/2023 - 12/2023

2.3. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp mô tả cắt ngang. Sử dụng bộ công cụ xây dựng sẵn trên Google form để thu thập dữ liệu.

2.4. Mẫu và phương pháp lấy mẫu

- Toàn bộ sinh viên điều dưỡng chính quy đang học tập tại Trường đại học Yersin Đà Lạt.

- Cỡ mẫu: 135 sinh viên ngành Điều dưỡng.

2.5. Công cụ thu thập thông tin

Bộ công cụ được xây dựng và xin ý kiến từ 3 giảng viên giảng dạy điều dưỡng và 2 giảng viên giảng dạy nghiên cứu khoa học. Sau đó được thực hiện thử trên 10 sinh viên điều dưỡng để điều chỉnh phù hợp.

2.6. Phương pháp thu thập thông tin

Thời gian thu thập số liệu: Từ ngày 01/6/2023 - 20/6/2023

Bước 1: Lấy danh sách sinh viên tại Phòng Đào tạo. Lựa chọn những sinh viên điều dưỡng đủ tiêu chuẩn tham gia nghiên cứu.

Bước 2: Đối tượng nghiên cứu sẽ được tập trung ở lớp học, mỗi đối tượng ngồi 1 bàn và họ sẽ được giới thiệu mục đích, nội dung, phương pháp và quyền lợi của người tham gia vào nghiên cứu. Nghiên cứu là tự nguyện, đối tượng có thể ngừng việc tham gia nghiên cứu bất cứ lúc nào.

Bước 3: Những đối tượng tham gia nghiên cứu sẽ được gửi bộ câu hỏi nghiên cứu online và trực tiếp làm bài khảo sát trực tuyến.

Bước 4: Sau khi thu thập được toàn bộ thông tin, nghiên cứu viên sẽ tiến hành thống kê qua online.

2.7. Các biến số nghiên cứu

- Các biến độc lập về thông tin chung của đối tượng nghiên cứu.

- Các biến phụ thuộc về thực trạng NCKH, rào cản, giải pháp phát triển NCKH.

2.8. Phương pháp phân tích số liệu

Số liệu sau khi thu thập sẽ được thống kê trực tiếp trên ứng dụng google biểu mẫu. Ngoài ra, số liệu được đưa vào phần mềm SPSS 22.0 để thực hiện các phép phân tích mối liên quan cần thiết.

2.9. Đạo đức trong nghiên cứu

- Nghiên cứu được thông qua bởi Hội đồng khoa học Trường đại học Yersin Đà Lạt.

- Sinh viên sau khi đồng ý tham gia nghiên cứu đã được giải thích về mục đích, phương pháp, nội dung nghiên cứu, quyền lợi cũng như nghĩa vụ khi tham gia nghiên cứu.

- Sinh viên có quyền từ chối nếu không đồng ý và được quyền bỏ cuộc ở bất cứ giai đoạn nào của nghiên cứu mà không bị ảnh hưởng đến việc học tập tại trường.

2.10. Sai số và biện pháp khắc phục

Một số yếu tố dẫn đến sai số: Sai số liên quan đến quá trình thu thập số liệu, có thể gặp sinh viên không tập trung, làm đối phó. Môi trường ồn ào.

Khắc phục: Chọn thời gian, địa điểm phù hợp, tránh lịch học, lịch thi của sinh viên. Tập hợp sinh viên được chọn theo khoa, ngành vào các buổi khác nhau (2

buổi) để thuận tiện việc quản lý. Phòng rộng, mỗi bàn 1 sinh viên ngồi.

Nhóm nghiên cứu tiến hành giải thích mục đích, quyền lợi khi đối tượng tham gia vào nghiên cứu và đánh giá cao việc đối tượng tham gia tích cực vào nghiên cứu để đưa ra số liệu chính xác nhất.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Có 135 sinh viên điều dưỡng tham gia khảo sát, trong đó, sinh viên năm 2 chiếm 78 (57,8%), sinh viên năm 3 chiếm 57 (42,2%), tuổi dưới 20 chiếm 85 (63%), từ 20 trở lên chiếm 50 (37%), nữ chiếm 118 (87,4%), nam chiếm 17 (12,6%).

Bảng 3.1. Thông tin về thực trạng nghiên cứu khoa học của sinh viên Điều dưỡng (n = 135)

STT	Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ	
1	Anh, chị có tham gia thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học (NCKH)	Đã tham gia	34	25,2%
		Chưa tham gia	101	74,8%
2	Anh, chị đã được học hoặc tập huấn về nghiên cứu khoa học (NCKH)	Đã được học/tập huấn	45	33,3%
		Chưa được học/tập huấn	90	66,7%
3	Anh, chị đã từng tham gia hội nghị, hội thảo hoặc seminar về nghiên cứu khoa học	Đã tham gia	20	14,8%
		Chưa tham gia	115	85,2%
4	Anh, chị có nắm được thông tin về hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH) dành cho sinh viên của Trường và Khoa	Có	56	41,5%
		Không	79	58,5%
5	Nguồn thông tin NCKH của khoa, trường các anh chị chủ yếu biết từ	Giảng viên	70	51,9%
		Cố vấn học tập	38	28,1%
		Bạn bè	11	8,1%
		Trang web trường, khoa	14	10,4%
		Nguồn khác	2	1,5%
6	Anh, chị có biết quy trình, cách thức tham gia một nghiên cứu khoa học SV của Trường	Có	45	33,3%
		Không	90	66,7%
7	Anh, chị có biết kinh phí dành cho SV thực hiện đề tài NCKH	Có	12	8,9%
		Không	123	91,1%
8	Anh, chị có biết quyền lợi, nghĩa vụ khi tham gia nghiên cứu khoa học dành cho SV	Có	49	36,3%
		Không	86	63,7%

Nhận xét: Tỷ lệ sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học chiếm 34 (25,2%); đã được học/tập huấn về NCKH chiếm 45 (33,3%); đã tham gia hội thảo, hội thảo, seminar về NCKH chiếm 20 (14,8%); nắm thông tin NCKH của khoa, trường chiếm 56 (41,5%); nguồn thông tin về NCKH từ

giảng viên, cố vấn học tập chiếm lần lượt 70 (51,9%), 38 (28,1%); nắm được quy trình, cách thức tham gia NCKH là 45 (33,3%); biết về kinh phí cho NCKH là 12 (8,9%); biết quyền lợi, nghĩa vụ khi tham gia NCKH là 49 (36,3%).

Bảng 3.2. Thái độ của sinh viên Điều dưỡng với hoạt động nghiên cứu khoa học (n = 135)

STT	Nội dung	Rất không đồng ý	Không đồng ý	Bình thường	Đồng ý	Rất đồng ý
1	Theo anh, chị nghiên cứu khoa học trong sinh viên có cần thiết	3 (2,2%)	3 (2,2%)	38 (28,1%)	64 (47,4%)	27 (20%)
2	NCKH là không thấy rõ lợi ích, chỉ tốn thời gian và công sức	34 (25,2%)	56 (41,5%)	43 (31,9%)	1 (0,7%)	1 (0,7%)
3	NCKH giúp sinh viên phát triển nhiều kỹ năng mềm như phản biện, thuyết trình, đọc tài liệu, tin học, ngoại ngữ, làm việc nhóm,...	5 (3,7%)	2 (1,5%)	15 (11,1%)	76 (56,3%)	37 (27,4%)
4	NCKH giúp tích lũy kinh nghiệm cho bản thân SV và tăng cơ hội việc làm khi tốt nghiệp	2 (1,5%)	2 (1,5%)	20 (14,8%)	78 (57,8%)	33 (24,4%)
5	NCKH giúp củng cố kiến thức cho sinh viên về chuyên môn	3 (2,2%)	1 (0,7%)	23 (17%)	78 (57,8%)	30 (22,2%)

Nhận xét: Thái độ của sinh viên với NCKH như sau: Đồng ý và rất đồng ý với sự cần thiết của NCKH là 91 (67,4%); NCKH giúp sinh viên phát triển nhiều kỹ năng mềm như phản biện, thuyết trình, đọc tài liệu, tin học, ngoại ngữ, làm việc nhóm,... là 113 (83,7%); NCKH giúp tích

lũy kinh nghiệm cho bản thân sinh viên và tăng cơ hội việc làm khi tốt nghiệp là 111 (82,2%); NCKH giúp củng cố kiến thức cho sinh viên về chuyên môn chiếm 108 (80%) và rất không đồng ý và không đồng ý rằng NCKH là không thấy rõ lợi ích, chỉ tốn thời gian và công sức là 90 (66,7%).

Bảng 3.3. Rào cản ảnh hưởng đến nghiên cứu khoa học của sinh viên Điều dưỡng (n = 135)

STT	Nội dung	Rất không đồng ý	Không đồng ý	Bình thường	Đồng ý	Rất đồng ý
1	Thiếu thời gian	4 (3%)	8 (5,9%)	59 (43,7%)	55 (40,7%)	9 (6,7%)
2	Kỹ năng tin học, ngoại ngữ chưa tốt	3 (2,2%)	3 (2,2%)	43 (31,9%)	73 (54,1%)	13 (9,6%)
3	Thiếu kiến thức, kỹ năng làm NCKH	2 (1,5%)	6 (4,4%)	40 (29,6%)	73 (54,1%)	14 (10,4%)

STT	Nội dung	Rất không đồng ý	Không đồng ý	Bình thường	Đồng ý	Rất đồng ý
4	Thiếu người hướng dẫn	10 (7,4%)	12 (8,9%)	53 (39,3%)	43 (31,9%)	17 (12,6%)
5	Thiếu các khóa đào tạo về NCKH	4 (3%)	6 (4,4%)	52 (38,5%)	56 (41,5%)	17 (12,6%)
6	Thiếu kinh phí	1 (0,7%)	10 (7,4%)	45 (33,3%)	61 (45,2%)	18 (13,3%)
7	Thiếu nguồn tài liệu tham khảo	4 (3%)	13 (9,6%)	59 (43,7%)	45 (33,3%)	14 (10,4%)
8	Chương trình học quá tải	3 (2,2%)	9 (6,7%)	61 (45,2%)	48 (35,6%)	14 (10,4%)
9	Chưa nắm được thông tin về NCKH của khoa, trường	2 (1,5%)	6 (4,4%)	50 (37%)	61 (45,2%)	16 (11,9%)
10	Chưa biết qui trình, cách thức đăng ký, tham gia NCKH	2 (1,5%)	9 (6,7%)	51 (37,8%)	54 (40%)	19 (14,1%)
11	Chưa nhận thức được tầm quan trọng và lợi ích từ NCKH	3 (2,2%)	10 (7,4%)	61 (45,2%)	49 (36,3%)	12 (8,9%)
12	Thiếu đam mê, động lực	4 (3%)	8 (5,9%)	59 (43,7%)	54 (40%)	10 (7,4%)
13	Khác	<p>“Chưa được phổ biến nhiều kiến thức về Nghiên cứu khoa học, môn học nên được dạy từ năm nhất hoặc năm hai để sinh viên có nhiều thời gian và kinh nghiệm.”</p> <p>“Ngoài ra, theo em thấy nhà trường nên khuyến khích, đưa ra những thông tin lôi cuốn, những phiếu quảng cáo về chương trình nghiên cứu (nội dung nghiên cứu, điều các bạn nhận được, cách thức tham gia,...) đến gần hơn với mỗi bạn sinh viên. Đôi lúc sẽ có nhiều bạn rất muốn tham gia nhưng vì sợ và ngại ạ. E nghĩ điều đó sẽ thu hút hơn, các bạn dễ nắm bắt.”</p> <p>“Theo em: Rào cản thì đa số là thời gian và họ ngại học tập những thứ mới”</p> <p>“Không tiếp cận được nhiều”</p>				

Nhận xét: Tỷ lệ SV đồng ý và rất đồng ý với các rào cản NCKH như sau: Thiếu thời gian 64 (47.4%); Kỹ năng tin học, ngoại ngữ chưa tốt 86 (63.7%); Thiếu kiến thức, kỹ năng làm NCKH 87 (64.5%); Thiếu người hướng dẫn 60 (44.5%); Thiếu các khóa đào tạo về NCKH 73 (54.1%); Thiếu kinh phí 79 (58.5%); Thiếu nguồn tài liệu

tham khảo 59 (43.7%); Chương trình học quá tải 62 (46%); Chưa nắm được thông tin về NCKH của khoa, trường 77 (57.1%); Chưa biết qui trình, cách thức đăng ký, tham gia NCKH 73 (54.1%); Chưa nhận thức được tầm quan trọng và lợi ích từ NCKH 61 (45.2%); Thiếu đam mê, động lực 64 (47.4%).

Bảng 3.4. Giải pháp tăng cường nghiên cứu khoa học trong sinh viên Điều dưỡng (n = 135)

STT	Nội dung	Rất không đồng ý	Không đồng ý	Bình thường	Đồng ý	Rất đồng ý
1	Hỗ trợ hoàn toàn kinh phí nghiên cứu	0	4 (3%)	49 (36,3%)	56 (41,4%)	26 (19,3%)
2	Cộng điểm rèn luyện	1 (0,7%)	0	33 (24,4%)	55 (40,7%)	46 (34,1%)
3	Trao thưởng: học bổng, giấy khen...	1 (0,7%)	0	36 (26,7%)	53 (39,3%)	45 (33,3%)
4	Tham gia các cuộc thi, báo cáo NCKH dành cho SV	1 (0,7%)	3 (2,2%)	44 (32,6%)	57 (42,2%)	30 (22,2%)
5	Ban hành quy chế khuyến khích NCKH trong SV	1 (0,7%)	2 (1,5%)	43 (31,9%)	59 (43,7%)	30 (22,2%)
6	Đổi mới cách thức, quy trình thực hiện đề tài tinh gọn, đơn giản hóa nhưng vẫn đảm bảo tính pháp lý	1 (0,7%)	2 (1,5%)	40 (29,6%)	61 (45,2%)	31 (23%)
7	Điều chỉnh môn học nội dung môn NCKH/thêm môn NCKH vào chương trình học	1 (0,7%)	6 (4,4%)	50 (37%)	56 (41,5%)	22 (16,3%)
8	Tổ chức hội thảo, seminar NCKH để SV tham gia học hỏi	1 (0,7%)	4 (3%)	50 (37%)	52 (38,5%)	28 (20,7%)
9	Tập huấn kỹ năng NCKH cho SV	1 (0,7%)	4 (3%)	48	55 (40,7%)	27 (20%)
10	Thông tin, giới thiệu về hoạt động NCKH dành cho SV hàng năm	1 (0,7%)	3 (2,2%)	51 (37,8%)	55 (40,7%)	25 (18,5%)
11	Phát triển đội ngũ GV hướng dẫn NCKH	1 (0,7%)	4 (3%)	40 (29,6%)	57 (42,2%)	33 (24,4%)
12	Đưa học phần NCKH vào năm nhất	4 (3%)	6 (4,4%)	54 (40%)	43 (31,9%)	28 (20,7%)
13	Tổ chức, phối hợp tổ chức cho SV báo cáo các chuyên đề NCKH	2 (1,5%)	3 (2,2%)	50 (37%)	51 (37,8%)	29 (21,5%)
14	Khác	<p>“Chưa được phổ biến nhiều kiến thức về Nghiên cứu khoa học, môn học nên được dạy từ năm nhất hoặc năm hai để sinh viên có nhiều thời gian và kinh nghiệm.”</p> <p>“Đưa việc thực hiện NCKH vào chương trình học”</p> <p>“Cần đẩy mạnh tuyên truyền để lan tỏa nghiên cứu khoa học.</p> <p>Mong sẽ có nhiều dự án tốt đẹp”</p> <p>“Phổ biến NCKH nhiều hơn cho SV”</p> <p>“Nâng cao tinh thần đoàn kết ở SV, lớp trong việc thực hiện NCKH”</p>				

Nhận xét: Về sự đồng ý và rất đồng ý với các giải pháp thúc đẩy NCKH trong sinh viên như sau: Hỗ trợ hoàn toàn kinh phí nghiên cứu 82 (60,7%); Cộng điểm rèn luyện 101 (74,8%); Trao thưởng: học bổng, giấy khen... 98 (72,6%); Tham gia các cuộc thi, báo cáo NCKH dành cho sinh viên 87 (64,4%); Ban hành quy chế khuyến khích NCKH trong sinh viên 89 (65,9%); Đổi mới cách thức, quy trình thực hiện đề tài tinh gọn, đơn giản hóa nhưng vẫn đảm bảo tính pháp lý 92 (68,2%); Điều chỉnh môn học nội dung môn NCKH/thêm môn NCKH vào chương trình học 78 (57,8%); Tổ chức hội thảo, seminar NCKH để sinh viên tham gia học hỏi 80 (59,2%); Tập huấn kỹ năng NCKH cho sinh viên 82 (60,7%); Thông tin, giới thiệu về hoạt động NCKH dành cho sinh viên hàng năm 80 (59,2%); Phát triển đội ngũ giảng viên hướng dẫn NCKH 90 (66,6%); Đưa học phần NCKH vào năm nhất 71 (52,6%); Tổ chức, phối hợp tổ chức cho sinh viên báo cáo các chuyên đề NCKH 80 (59,2%).

4. BÀN LUẬN

Qua kết quả khảo sát cho thấy một tỷ lệ thấp sinh viên Điều dưỡng đã tham gia hay hiểu biết về việc thực hiện đề tài NCKH. Cụ thể, tỷ lệ sinh viên tham gia NCKH chiếm 34 (25,2%); đã được học/tập huấn về NCKH chiếm 45 (33,3%); đã tham gia hội thảo, hội thảo, seminar về NCKH chiếm 20 (14,8%); nắm thông tin NCKH của khoa, trường chiếm 56 (41,5%); nguồn thông tin về NCKH từ giảng viên, Cố vấn học tập chiếm lần lượt 70 (51,9%), 38 (28,1%); nắm được quy trình, cách thức tham gia NCKH là 45 (33,3%); biết về kinh phí cho NCKH là 12 (8,9%); biết quyền lợi,

nghĩa vụ khi tham gia NCKH là 49 (36,3%). Kết quả cao hơn không đáng kể với kết quả nghiên cứu của Nguyễn Tuấn Kiệt và cộng sự (2019), một tỉ lệ nhỏ sinh viên có nghe và tìm hiểu về hoạt động NCKH chiếm 4,64%, trong 16 sinh viên thì có 38,89% sinh viên tìm hiểu được hoạt động tìm hiểu đề tài cấp cơ sở được trường cấp kinh phí để thực hiện đề tài; chỉ có 11,11% sinh viên cho rằng có giảng viên hướng dẫn thực hiện đề tài. Sinh viên nhận thông tin về hoạt động nghiên cứu khoa học từ website trường chiếm 27,33%, thầy cô chiếm 22,29%, bạn bè 19,85% [7]. Điều này cho thấy sinh viên tham gia và nắm được các thông tin về nghiên cứu khoa học còn rất thấp, có thể do hoạt động NCKH vẫn chưa thực sự được chú trọng trong đào tạo.

Về thái độ của sinh viên với NCKH, nghiên cứu đã cho thấy hầu hết sinh viên có thái độ tích cực về hoạt động NCKH. Cụ thể, tỷ lệ sinh viên đồng ý và rất đồng ý với sự cần thiết của NCKH là 91 (67,4%); NCKH giúp sinh viên phát triển nhiều kỹ năng mềm như phản biện, thuyết trình, đọc tài liệu, tin học, ngoại ngữ, làm việc nhóm,... là 113 (83,7%); NCKH giúp tích lũy kinh nghiệm cho bản thân sinh viên và tăng cơ hội việc làm khi tốt nghiệp là 111 (82,2%); NCKH giúp củng cố kiến thức cho sinh viên về chuyên môn chiếm 108 (80%) và rất không đồng ý và không đồng ý rằng NCKH là không thấy rõ lợi ích, chỉ tốn thời gian và công sức là 90 (66,7%). Kết quả này cũng tương tự kết quả của một số nghiên cứu của Nguyễn Minh Quân (2020) với 82,1% cho rằng NCKH là cần thiết và 80,3% cho rằng sinh viên thực hiện NCKH là cần thiết [10].

Nghiên cứu của Khalid M Alghamdi (2014) cho thấy đa số sinh viên đồng ý rằng nghiên cứu là quan trọng trong lĩnh vực y tế 97,1%, 67,4% tin rằng việc tiến hành nghiên cứu là bắt buộc đối với tất cả sinh viên y khoa [2]. Điều này cho thấy rằng, bản thân sinh viên đã ý thức được việc NCKH là quan trọng và cần thiết khi còn ngồi trên ghế nhà trường. Tuy nhiên, có lẽ vì một số rào cản nào đó đã ảnh hưởng tới việc tham gia NCKH trong sinh viên.

Xác định các rào cản NCKH trong sinh viên đã chỉ ra: Thiếu thời gian 64 (47,4%); Kỹ năng tin học, ngoại ngữ chưa tốt 86 (63,7%); Thiếu kiến thức, kỹ năng làm NCKH 87 (64,5%); Thiếu người hướng dẫn 60 (44,5%); Thiếu các khóa đào tạo về NCKH 73 (54,1%); Thiếu kinh phí 79 (58,5%); Thiếu nguồn tài liệu tham khảo 59 (43,7%); Chương trình học quá tải 62 (46%); Chưa nắm được thông tin về NCKH của khoa, trường 77 (57,1%); Chưa biết qui trình, cách thức đăng ký, tham gia NCKH 73 (54,1%); Chưa nhận thức được tầm quan trọng và lợi ích từ NCKH 61 (45,2%); Thiếu đam mê, động lực 64 (47,4%). Điều này cũng tương tự như một số nghiên cứu khác của Hasan Ashrafi-rizi (2015) khảo sát trên sinh viên Đại học Khoa học Y khoa Isfahan, một số rào cản được sinh viên cho là mật độ chương trình học của sinh viên, mức độ thiếu quen thuộc với các phương pháp nghiên cứu, thiếu kinh nghiệm nghiên cứu, thiếu văn hóa nghiên cứu trong cộng đồng, thiếu khả năng tiếp cận nguồn tài liệu thư viện phù hợp, kết quả nghiên cứu chưa thực tiễn [2], Sakineh Dadipoor (2019), các rào cản cá nhân phổ biến nhất là kiến thức không đầy đủ về phương pháp nghiên cứu, kỹ năng

tiến hành nghiên cứu không đầy đủ; tổ chức - hạn chế tiếp cận các nguồn thông tin là rào cản phổ biến nhất [3], của Khalid M Alghamdi (2014) cho rằng các trở ngại cản trở sinh viên thực hiện nghiên cứu bao gồm thiếu người hướng dẫn chuyên nghiệp 84,7%, thiếu các khóa đào tạo 88,8%, thiếu thời gian 72,3% và thiếu tài trợ 54,1% [1].

Nghiên cứu của Huỳnh Thị Trang (2020) khảo sát 137 sinh viên trường Đại học Cần Thơ cho tỷ lệ cao sinh viên cho rằng một số yếu tố ảnh hưởng và rất ảnh hưởng đến sự tham gia nghiên cứu khoa học của sinh viên là: ý thức học tập 72,2%, kỹ năng tìm tin trên cơ sở dữ liệu 67,9%, trình độ tin học, ngoại ngữ kém 65,7%, lược khảo tài liệu là 66,4%, thiếu đam mê 60,6%, chưa biết cách chọn đề tài 68,7%, nghiên cứu khoa học vượt quá kiến thức 62,7%, thiếu nguồn tài liệu 63,5%, chưa nhận thức tầm quan trọng của nghiên cứu khoa học 61,4%, chưa nắm thông tin 59,1%, thiếu giảng viên hướng dẫn 55,5%, đi làm thêm 58,4% [9].

Nghiên cứu của Nguyễn Tuấn Kiệt và cộng sự (2019) cho thấy một tỉ trọng nhỏ sinh lý do sinh viên chưa tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học liên được cho là chưa đam mê, khó khăn trong việc tìm kiếm và thực hiện phương pháp nghiên cứu, khó khăn trong việc thành lập nhóm thực hiện. Ngoài ra, các yếu tố: Nền tảng kiến thức, sự yêu thích và mong muốn thực hiện đề tài, tinh thần, trách nhiệm tích cực/tiêu cực đối với hoạt động nghiên cứu khoa học được đánh giá là hoàn toàn ảnh hưởng đến quyết định tham gia nghiên cứu của sinh viên [7].

Hoàng Thị Thu Hiền (2022) đã đề cập đến một số nguyên nhân dẫn đến những khó khăn tâm lý trong hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên xuất phát từ sự thiếu hụt về kỹ năng, phương pháp, do thiếu tài liệu tham khảo, không có thời gian, kinh phí và nhận thức chưa đúng, đủ về hoạt động nghiên cứu khoa học... Một số khó khăn như lựa chọn đề tài nghiên cứu khoa học, tìm kiếm và xử lý dữ liệu, diễn đạt ngôn ngữ và trình bày, thời gian và kinh phí, nhận thức - kinh nghiệm của sinh viên [6].

Về các giải pháp thúc đẩy nghiên cứu khoa học trong sinh viên, một số giải pháp được sự đồng tình cao để thúc đẩy nghiên cứu khoa học trong sinh viên như cộng đồng rèn luyện 101 (74,8%); trao thưởng: học bổng, giấy khen... 98 (72,6%); ban hành quy chế khuyến khích nghiên cứu khoa học trong sinh viên 89 (65,9%); đổi mới cách thức, quy trình thực hiện đề tài tinh gọn, đơn giản hóa nhưng vẫn đảm bảo tính pháp lý 92 (68,2%); phát triển đội ngũ giáo viên hướng dẫn nghiên cứu khoa học 90 (66,6%). Khi nhà trường đưa ra các giải pháp có thể tăng sự hứng thú cũng như động lực cho sinh viên trong nghiên cứu khoa học.

5. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Qua kết quả khảo sát cho thấy một tỷ lệ thấp sinh viên điều dưỡng đã tham gia hay hiểu biết về việc thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học. Cụ thể, tỷ lệ sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học chiếm 34 (25,2%). Hầu hết sinh viên có thái độ tích cực về hoạt động nghiên cứu khoa học từ 66,7% đến 83,7% với các nội dung về sự cần thiết của nghiên cứu khoa học,

phát triển kỹ năng mềm, kinh nghiệm và cơ hội việc làm, củng cố kiến thức chuyên môn.

Ngoài ra, một số rào cản nghiên cứu khoa học chiếm trọng số cao như kỹ năng tin học, ngoại ngữ chưa tốt 86 (63,7%), thiếu kiến thức, kỹ năng làm NCKH 87 (64,5%). Bên cạnh đó, một số giải pháp được sự đồng tình cao để thúc đẩy NCKH trong sinh viên như cộng đồng rèn luyện 101 (74,8%); trao thưởng: học bổng, giấy khen... 98 (72,6%); ban hành quy chế khuyến khích NCKH trong sinh viên 89 (65,9%); đổi mới cách thức, quy trình thực hiện đề tài tinh gọn, đơn giản hóa nhưng vẫn đảm bảo tính pháp lý 92 (68,2%); phát triển đội ngũ giảng viên hướng dẫn NCKH 90 (66,6%).

Từ những kết quả trên, Nhà trường nên tăng cường các biện pháp thúc đẩy giúp nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học cho sinh viên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Khalid M Alghamdi et al. (2014). Perceptions, attitudes and practices toward research among senior medical students. *Saudi Pharmaceutical Journal*. DOI:10.1016/j.jsps.2013.02.006.
2. Hasan Ashrafi-rizi et al (2015). Barriers to Research Activities from the Perspective of the Students of Isfahan University of Medical Sciences. *Journal of Academy of medical of Medical Sciences of Bosnia and Herzegovina*, Published online 2015 May 25. doi 10.5455/aim.2015.23.155-159.
3. Sakineh Dadipoor (2019). Barriers to research activities as perceived by medical university students: A cross-sectional study. *Avicenna journal of medicine*, 2019 Jan-Mar; 9(1): 8-14, doi: 10.4103/ajm.AJM_121_18.
4. Roldan C, Jocelyn B. Hipona (2020). Bangalan Senior high student's attitude and barriers in

- conducting a research: A platform to enhance scientific pedagogical learning. *Cosmos An International Journal of Art & Higher Education*, Vol 9 / No 2 / Jul-Dec 2020.
5. Kumar J, Memon A, Kumar A, et al (2019). Barriers Experienced by Medical Students in Conducting Research at Undergraduate Level. *Cureus* 11(4): e4452. doi:10.7759/cureus.4452
 6. Hoàng Thị Thu Hiền (2022). Khó khăn tâm lý trong hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên đại học. *Tạp chí Giáo dục lý luận - số 337 (03/2022)*.
 7. Nguyễn Tuấn Kiệt, Trần Thị Thu Thảo và Võ Ngọc Bảo Trân (2019). Thực trạng và giải pháp thúc đẩy hoạt động tham gia nghiên cứu khoa học của sinh viên Khoa Kinh tế, Trường Đại học Cần Thơ. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*. 55(5C): 117-125. https://www.researchgate.net/publication/340179819_Thuc_trang_va_giai_phap_thuc_day_hoat_dong_tham_gia_nghien_cuu_khoa_hoc_cua_sin_h_vien_Khoa_Kinh_te_Truong_Dai_hoc_Can_T_ho
 8. Lê Hữu Dũng, Phan Thị Thùy Nhung, Nguyễn Thị Khánh Linh (2020). Thực trạng hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên trường đại học Khánh Hòa giai đoạn 2015 - 2020. *Tạp chí Khoa học đại học Khánh Hòa*. <https://vjol.info.vn/index.php/dhkh/article/view/58165/48531>
 9. Huỳnh Thị Trang, Lâm Cẩm Tú (2020). Thực trạng và biện pháp phát triển hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên chuyên ngành Thông tin - thư viện tại trường Đại học Cần Thơ. *Tạp chí Giáo dục*, số 487, kì 1, 10/2020, tr 46-50
 10. Nguyễn Minh Quân (2020). Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học trong sinh viên tại Trường Đại học Tiền Giang. *Tạp chí Giáo dục*, số 489, kỳ 1-11/2020, trg.55-59